

Bản án số: 46/2018/HSST
Ngày: 27.7.2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

- Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Tuyết Nhung**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thảo Nguyên**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - Địa chỉ: 24 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng N - Sinh ngày: 15.3.2001, tại tỉnh Đ. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Đường Đ, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Hoàng Phước V, sinh năm 1973 và bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1983, cả hai đều còn sống; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

* *Người đại diện của bị cáo:* Ông Hoàng Phước V, sinh năm 1973 và bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1983 (là cha, mẹ của bị cáo N). Cùng trú tại: Đường Đ, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

* *Người bào chữa:* Bà Đoàn Minh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ A, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

* *Người bị hại:* Ông Lưu văn K, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

* *Người làm chứng:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1981. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN THẤY

Bị cáo Hoàng N bị Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 18 giờ 25 phút ngày 10/2/2018, Hoàng N đến cửa hàng điện thoại T số 54, đường H, phường P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do anh Lưu Văn K làm chủ. N gặp chị Trần Thị K vợ anh K) hỏi giá mua điện thoại Iphone 6. Chị K nói giá 5.200.000 đồng và đưa cho N xem, sau đó N trả lại điện thoại rồi đi. Đến 19 giờ cùng ngày, N quay lại cửa hàng gặp chị K đề nghị chị K cho xem lại chiếc điện thoại Iphone 6 nói trên. N nói với chị K sẽ có người nhà cầm tiền tới mua. Khi chị K đưa điện thoại cho N và nhìn N kiểm tra điện thoại thì N nhanh chóng cầm điện thoại trên bỏ chạy. Chị K tri hô, lúc này anh Lưu Văn K đứng phía trước cửa hàng nên đuổi theo và cùng tổ tuần tra PK20 Công an thành phố Đà Nẵng bắt N đưa về Công an phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

* Tang vật thu giữ

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 16G màu xám, imei: 352071067167721.

Theo kết luận định giá tài sản trong số 36/KL-ĐGTS ngày 07.3.2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân quận Hải Châu kết luận: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 16G màu xám có giá trị: 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 11.6.2018 Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố: Hoàng N về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng N khai nhận hành vi cướp giật tài sản như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị: Áp dụng: khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Hoàng N từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” nhưng cho hưởng án treo.

Về dân sự: Ông Lưu Văn K đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 500.000 đồng, Gia đình bị cáo đã bồi thường xong. Ông K không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu là cáo trạng đã truy tố đúng người đúng tội, đồng thời cũng đồng ý lời luận

tội của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các điều luật và mức hình phạt. Tuy nhiên người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét về nhân thân của bị cáo là chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nhất thời phạm tội; Bị cáo đã bồi thường theo yêu cầu của người bị hại số tiền 500.000 đồng, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm; Gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Với trình độ lớp 8/12 thiếu sự quan tâm giáo dục từ nhà trường, gia đình; Đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội; Tài sản có giá trị không lớn. Từ đó đề nghị HĐXX áp dụng các điểm b, h, s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 65 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thống nhất như lời bào chữa của người bào chữa không bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đối đáp với người bào chữa: Việc người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm h, điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 54 là không có cơ sở để chấp nhận do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên không áp dụng các tình tiết này được.

Người bào chữa đối đáp lại và thống nhất rút đề nghị HĐXX áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 nhưng vẫn tiếp tục đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ còn lại để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo không có ý kiến gì.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Vào khoảng 19 giờ ngày 10.02.2018, tại cửa hàng điện thoại T, số 54 đường H, phường P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Hoàng N có hành vi quay lại cửa hàng gặp chị K để đề nghị chị K cho xem lại chiếc điện thoại Iphone 6. N nói với chị K sẽ có người nhà cầm tiền tới mua. Khi chị K đưa điện thoại cho N và nhìn N kiểm tra điện thoại thì N nhanh chóng cầm điện

thoại trên bỏ chạy. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hành vi nhanh chóng chiếm đoạt 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 16G màu xám của ông Lưu Văn K nói trên của N đã cấu thành tội cướp giật tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 11.6.2018 Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo như sau: Bị cáo là người chưa thành niên, vì muốn có điện thoại sử dụng để thỏa mãn cho nhu cầu của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu nhanh chóng chiếm đoạt 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 16G màu xám của ông Lưu Văn K bỏ chạy. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

[4] Hành vi cướp giật tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, HĐXX thấy cần phải xử phạt bị cáo nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội; Bị cáo đã bồi thường theo yêu cầu của người bị hại số tiền 500.000 đồng, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm; Tài sản có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho người bị hại thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Những tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự này được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90. Điều 95 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 sẽ được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Xét lời bào chữa của người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90. Điều 95 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 như đã nhận định trên là có cơ sở để chấp nhận. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về tội danh và

áp dụng các điều luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong quá trình đối đáp với người bào chữa, kiểm sát viên không đồng ý việc đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 là “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” của người bào chữa với lý do là do bị cáo phạm tội nghiêm trọng nên không áp dụng là không có cơ sở. Mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nhưng tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 3.000.000 đồng là gây thiệt hại không lớn nên người bào chữa đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 này là có cơ sở cần được chấp nhận. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng việc người bào chữa cho rằng bị cáo nhất thời phạm tội nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo đã có sự tính toán trước, bị cáo quay lại lần thứ hai để đề nghị cho xem lại chiếc điện thoại, nói dối có người đang mang tiền tới rồi bất ngờ giật tài sản bỏ chạy không phải nhất thời phạm tội như người bào chữa đề nghị. Do đó, việc áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là chưa đủ sức răn đe đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa nói chung.

[9] Với tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là không lớn, tài sản đã thu hồi ngay trả cho người bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đánh giá căn cứ quyết định hình phạt, nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo giao về cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[11] Về tang vật vụ án: Tang vật đã thu hồi trả cho người bị hại.

[12] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng N 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Ngày 27.7.2018).

Giao bị cáo Hoàng N cho UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thùy

